

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/9/2019
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha

Các hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Lùng và bà Huỳnh Thị Thu Trang.

Thư ký phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân (TAND) huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2019/TLST-HNGĐ, ngày 02/01/2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 03/9/2019; Quyết định thay đổi hội thẩm số: 01/2019/QĐ-CA ngày 23/9/2019; Quyết định thay đổi thư ký Tòa án số: 01b/2019/QĐ-CA ngày 04/9/2019 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1980; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phan Văn S, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 25 tháng 12 năm 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Phương L (sau đây viết tắt là nguyên đơn) trình bày:

Về hôn nhân: Nguyên đơn và anh S tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau từ năm 1998 đến năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh Sang có quan hệ với người đàn bà khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2015 thì ly hôn (theo bản án số 01/2015/HNGĐ-ST ngày 06/01/2015 của TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên quyết định không công nhận vợ chồng, xét xử ly hôn).

Sau khi ly hôn một thời gian thì vợ chồng lại về chung sống với nhau và đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên vào ngày 08/4/2015. Thời gian chung sống với nhau tiếp tục không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hạnh phúc của hôn nhân không đạt được do anh Sang vẫn có quan hệ với người phụ nữ khác. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Sang.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Phan Thị Phương T1, sinh ngày 07/02/1998 và Phan Văn T2, sinh ngày 12/6/2000, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Phan Văn S (sau đây gọi tắt là bị đơn) trình bày:

Vào năm 1998, bị đơn và nguyên đơn có cưới hỏi theo phong tục địa phương, do nguyên đơn là con một nên bị đơn đến ở phía vợ và hai bên đã đồng ý. Đến năm 2014, nguyên đơn cũng một lần đưa đơn đến Tòa xin ly hôn và tòa đã xử ly hôn xong, lúc đó 02 con chung tên là Phan Thị Phương T1, sinh ngày 07/02/1998 và Phan Văn T2, sinh ngày 12/6/2000, còn ăn học chưa đủ tuổi thành niên và vấn đề tài sản chung chưa thỏa thuận được. Do đó, ngày 08/4/2015, hai vợ chồng đến UBND thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh đăng ký kết hôn. Từ đó đến nay vẫn chung sống bình thường, thời gian gần đây bị đơn đi làm ăn xa, không hiểu sao vợ lại đưa đơn xin ly hôn. Bị đơn không đồng ý ly hôn. Về con chung, tài sản chung: bị đơn thống nhất như nguyên đơn trình bày, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

TAND huyện Sông Hinh tiến hành hòa giải về hôn nhân nhưng bị đơn không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn với bị đơn Phan Văn S theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp ly hôn. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại: Khu phố 4, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, TAND huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về vắng mặt của bị đơn: Quá trình hòa giải bị đơn có đến Tòa trình bày không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn. Sau đó, vụ án đưa ra xét xử Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ quy định điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 08/4/2015 nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hinh,

tỉnh Phú Yên được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình thu thập chứng cứ thể hiện, nguyên đơn và bị đơn chung sống như vợ chồng từ năm 1998 đến năm 2014, không đăng ký kết hôn. Tháng 1/2015 Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn. Tháng 4/2015 vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn lại, quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn. Bị đơn đi làm xa và có nhắn tin qua lại, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Đến nay vợ chồng đã sống ly thân gần một năm, không còn tình cảm, yêu thương chăm sóc nhau. Xét nguyện vọng của bị đơn, không đồng ý ly hôn vì sợ ảnh hưởng đến các con. Tuy nhiên, quá trình hòa giải bị đơn không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, vẫn tiếp tục bỏ nhà đi xa. Nguyên đơn không đồng ý đoàn tụ gia đình mà tha thiết xin ly hôn. Vợ chồng đã ly hôn một lần sau đó tiếp tục đăng ký kết hôn sống chung với nhau nhưng vẫn không hạnh phúc. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ.

[3] Về con chung và tài sản: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L ly hôn bị đơn anh Phan Văn S.

2. Về con chung, tài sản chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa giải quyết.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000

đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tiền số 0012739 ngày 28/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sông Hình (02);
- CCTHADS huyện Sông Hình;
- UBND T² Hai Riêng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha